

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 15-02-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Ông Nguyễn Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 81/2021/HNGĐ-ST ngày 16-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Kim A, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 73/4, Ấp 5, xã X, huyện Y, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường Bờ Chùa, ấp Long Giêng, xã K, huyện L, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Lâm Trọng B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 73/4, Ấp 5, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số T199 ấp Xoài Đồi, xã M, huyện N, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Lâm Trọng B.

(Ông B, bà A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2021 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Kim A trình bày: Bà và ông Lâm Trọng B cưới nhau năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Y, Thành phố Hồ

Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 343, quyển số 02/94 ngày 17/12/1994, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, cả hai xâm phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau nên tình cảm nhạt dần, cuộc sống trở nên căng thẳng và nhiều lần dẫn đến xô xát. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không kết quả. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thị Bích C, sinh ngày 28/6/1994, hiện nay đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trước đây sinh sống ở huyện Y, Thành Phố Hồ Chí Minh, vợ chồng có tài sản nhưng bị giải tỏa nên chuyển về sinh sống tại xã M, huyện N, tỉnh Long An. Khi giải tỏa được đền bù một số tiền và đã chia ra làm 03 phần, ông B 01 phần, bà 01 phần và con chung là Lâm Thị Bích C 01 phần. Do đó, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/10/2021, ông Lâm Trọng B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà A. Lý do, bà A đã lấy tài sản của gia đình (lấy của cha mẹ ông) đem đi nên ông đề nghị bà A phải đem trả lại thì ông mới đồng ý ly hôn với bà A.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thị Bích C, sinh ngày 28/6/1994, hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, bà A có lấy tài sản của cha mẹ ông bỏ đi, ông yêu cầu bà A trả lại cho cha mẹ ông.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 81/2021/HNGĐ-ST ngày 16-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện N đã căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Bùi Kim A đối với bị đơn ông Lâm Trọng B.

Về hôn nhân: Bà Bùi Kim A được ly hôn với ông Lâm Trọng B.

[2] Về án phí: Bà Bùi Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0009626 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bà A đã nộp đủ.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 02/12/2021, ông Lâm Trọng B kháng cáo về phần hôn nhân của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm với lý do ông còn thương bà Bùi Kim A và chưa muốn ly hôn; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận việc ly hôn giữa ông và bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Lâm Trọng B tranh luận: Đề nghị Tòa án cho thời gian để ông hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nếu ông không hàn gắn được ông sẽ nhờ người khác thực hiện thay vì có tác động từ bên ngoài gia đình ông mới mâu thuẫn, nhất là bà Lê Thị Khéo cản trở, gây mất hạnh phúc gia đình ông, bà Khéo hành xử như một tú bà; ông không quan tâm đến tài sản. Việc ông đánh bà A là có nhưng không có bóp cổ hay cắt cổ bà A như bà A trình bày. Ông cũng cam kết là từ nay ông không đánh đập, gây gổ với bà A, mong bà A quay về chung sống hạnh phúc với ông và bỏ qua mọi việc.

- Bà Bùi Kim A tranh luận: Bà không đồng ý với ý kiến của ông B, bà kiên quyết ly hôn với ông B vì ông B đánh đập bà nhiều lần trong nhiều năm nay; ông B từng bóp cổ, cắt cổ bà; đã mười mấy năm nay bà không còn ngủ chung với ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Bà Bùi Kim A và ông Lâm Trọng B qua quen biết cưới nhau năm 1993, đăng ký kết hôn ngày 17/12/1994 tại UBND huyện Y, thành phố Hồ Chí Minh - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Lâm Trọng B không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông còn thương bà A. Tuy nhiên, xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy trong quá trình chung sống bà A và ông B thường bất đồng quan điểm, nhiều lần dẫn đến xô xát; bà A và ông B đã ly thân từ năm 2020 đến nay mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay bà A kiên quyết xin ly hôn, ông B không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục bà A thay đổi ý định ly hôn và cho ông B thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng cho thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Trọng B; giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lâm Trọng B kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Theo xác nhận ngày 25/3/2021 của Công an xã M, huyện N thì bị đơn ông Lâm Trọng B đang tạm trú tại xã M, huyện N, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa bà Bùi Kim A và ông Lâm Trọng B là đúng quy định về thẩm quyền.

[1.3] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa áp dụng các điều luật cụ thể của Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên xử là không chính xác; đồng thời tại phần nhận định của bản án có đề cập đến con chung, tài sản chung, nợ chung nhưng phần quyết định của án sơ thẩm không tuyên là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 343, quyền số 02/94 ngày 17/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Bùi Kim A và ông Lâm Trọng B là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa hai bên đương sự đều thừa nhận có mâu thuẫn; ông B từng đánh đập bà A. Nay ông B kháng cáo cho rằng còn thương bà A và cam kết từ nay ông không đánh đập, gây gổ với bà A, mong bà A quay về chung sống hạnh phúc với ông và bỏ qua mọi việc; không liên quan đến tài sản sản. Tuy nhiên, biện pháp của ông B đưa ra không thuyết phục được bà A quay lại chung sống hạnh phúc với ông B, trong khi bà A cho rằng ông B đánh đập bà A nhiều lần nên kiên quyết ly hôn với ông B. Từ đó thấy rằng kháng cáo của ông B là không có cơ sở chấp nhận.

Hơn nữa, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2021, ông B khai “*tôi không đồng ý ly hôn với bà Bùi Kim A. Lý do: bà A đã lấy tài sản của gia đình ông đem đi nên ông đề nghị bà A phải đem trả lại thì ông đồng ý ly hôn*”. Như vậy, thực chất ông B không còn tình cảm với bà A mà muốn sử dụng quan hệ hôn nhân để yêu cầu bà A đem tài sản trả lại cho gia đình ông B.

Trong vụ án nay, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tranh chấp tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông B có căn cứ cho rằng bà A lấy tài sản thì chủ sở hữu tài sản có quyền khởi kiện thành vụ án khác để tranh chấp đòi tài sản theo quy định của pháp luật.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của ông Lâm Trọng B không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Trọng B.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 81/2021/HNGĐ-ST ngày 16-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Bùi Kim A đối với bị đơn ông Lâm Trọng B.

Về hôn nhân: Bà Bùi Kim A được ly hôn với ông Lâm Trọng B.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0009626 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bà A đã nộp đủ.

[3] Về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc ông Lâm Trọng B chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà ông B đã tạm nộp theo biên lai thu số 0005673 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Long An.

[5] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh